

DẶM MẪU "TRI ÂM"

(Tập ghi)

MỘT.

Nửa đêm mông một Tết Bính Tý (1996), trời lạnh căm căm, gió mưa âm ỉ. Những bàn tay ma quái không ngớt gõ lên các tấm kính cửa bao quanh căn nhà những tiếng kêu buồn thảm. Tháng Hai, trời San Jose vẫn thường như thế. Cái lạnh cuối đông chưa dứt đã chuyển tiếp qua những cơn gió lớn mang đầy sự cuồng nộ của trời đất mênh mông.

Trên nóc nhà tôi có một ổ chim câu làm tổ từ nhiều năm trước. Mỗi đêm, tôi vẫn nghe tiếng cù rù của chúng vang lên không ngớt. Thỉnh thoảng, tôi hay tìm bắt được một chú chim non mới ra ràng không may rơi tọt vào cái ống khói lò sưởi lâu ngày không dùng, dẫn xuống phòng viết. Tiếng cù rù thoạt đầu có làm tôi sợ hãi khi đêm khuya ngồi một mình nơi bàn mà liên tưởng những điều vớ vẩn. Nhưng mãi rồi quen, chúng biến thành "những người bạn thân" của tôi một cách tự nhiên.

Mỗi đêm, tôi vẫn hình dung cảnh đầm ấm của các con chim chồng, chim vợ quây quần nhau, bước tới bước lui bên lũ chim non bé tí. Lâu ngày đâm ghiền những âm thanh kỳ lạ kia như một điệp khúc êm đềm, vỗ về được cho giấc ngủ vốn khó tìm trong cái đầu đầy đặc suy nghĩ của tôi.

Đêm mông Một Tết tôi không nghe những tiếng cù rù trên mái nóc. Lòng băng khuâng tự hỏi chúng đang ở đâu, những người bạn thân hiền lành nhỏ bé?

Ôi! Các sinh vật nhẹ nhàng vô tội!

Cái tổ mong manh liệu có vững yên khi đất trời nổi cơn thịnh nộ? Không gian nào để chúng trú thân mà còn mớm được cho nhau những hạt mồi ngon?

HAI.

Tôi vốn ít ngủ; mỗi đêm tìm thấy được cái chất êm của những sợi bông gòn nhiều lắm là chỉ trong khoảng thời gian từ 2 giờ khuya đến 5 giờ sáng. Nhưng cũng có vài khi tự cho phép mình đi ngủ sớm. Như đêm qua, một đêm tháng 4/1996, mùa Xuân đã chớm hiện mà một cơn mưa lớn vẫn còn kéo đến, phủ ngập trời San Jose, làm dễ dàng buốt giá trái tim những con người cô quạnh.

Tôi cũng đang là kẻ sống đời cô quạnh nên buộc lòng chui vào giường mà trôn từ 8 giờ tối nếu không muốn đối diện với cái lạnh ngoài trời lẫn cả trong tim.

Nằm trong chăn mới thấm thía được càng nhiều hơn thân phận nẻo của những chàng bụi đời Mỹ đen hay các cô gái giang hồ vẫn đứng bên kia vệ đường Số Hai mỗi tối. Những người đàn ông đàn bà vào ban ngày có bộ dáng tươi vui trong các cuộc chuyện trò đầy tiếng cười thề ỉnh ỏi; vậy mà ban đêm, cuộn tròn tằm thân trong tấm chăn mỏng trước cửa tiệm sách Văn Uyển dưới lầu, sự sống động nơi họ đã biến thể hoàn toàn trong cái nhìn xúc cảm của tôi.

BA.

Thương vay khóc mướn vốn là bệnh của người nghệ sĩ. Cũng vì cái bệnh này mà cuộc đời tôi long đong không ngớt. Năm học đệ Tứ, câu chuyện Thúy Kiều ứa lệ bên nấm mồ hoang của nàng Đạm Tiên vận nhanh vào hồn như một nghiệp chướng đeo đẳng nhiều năm kể tiếp; 14 tuổi mà tôi đã thốt rung động cả người khi nghe ông thầy Việt Văn đọc lên những vần thơ bằng cái giọng Bắc ngọt ngào ấm áp của ông:

(...)

*Lòng đau sẵn mối thương tâm
Thoắt nghe Kiều đã đầm đìa châu sa
“Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
Phũ phàng chi bấy Hóa Công
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha
Sống làm vợ khắp người ta
Khéo thay thác xuống làm ma không chồng!
Nào người phượng chạ loan chung
Nào người tiếp tục tham hồng là ai?
Đã không kẻ đoái người hoài
Sẵn đây ta kiếm một vại nén hương
Gọi là gặp gỡ giữa đường
Họa là người dưới suối vàng biết cho.”...*

(...)

*Rằng “Hồng nhan tự nghìn xưa
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau
Thấy người nằm đó, biết sau thế nào?”*

(...)

Kể từ ấy, tôi luôn luôn xót cảm theo bất cứ nỗi đau khổ nào nhìn thấy chung quanh các người đàn bà, nhất là những người đàn bà đã tàn phai nhan sắc.

BỐN.

Trước 1975, khi còn sống đời phiêu lãng, một dạo có người đàn bà -tôi vẫn gọi là dì Hiền—đến lưu trú cùng trong căn biệt thự bỏ trống của gia đình ở Nha Trang. Theo lời kể của Mẹ, thập niên 1940, dì Hiền rất đẹp, là vũ nữ ăn khách nhất trong một vũ trường ở Đà Nẵng, nơi cha tôi làm chef d'orchestre.

Bây giờ dì sống một mình, không chồng con thân thuộc. Và trước mắt tôi lại chỉ hiện hữu một mẫu người bé nhỏ, bè ngoài tâm thường nhưng trong tiếng cười tiếng nói, vẫn nghe được âm vang tươi vui của một phụ nữ quen sống đời bán phần buôn hương.

Một đêm đi chơi khuya về, vừa mở cửa vào nhà, tôi đứng sững khi bắt gặp thể nằm thật lẻ loi của dì trên chiếc giường nhỏ. Thân hình úp nghiêng trên nệm, hai chân co lại, mặt áp vào gối, mái tóc điểm sương lòa xòa che khuất cả nửa khuôn còn lại. Dì ngủ say nên không hay rằng có tôi đang hiện diện. Cứ vậy, trong làn ánh sáng mỏng của ngọn đèn để bàn, tôi vẫn đứng ngây, lòng dạt dào rung động. Nơi dì bao trùm một nỗi cô đơn rộng lớn.

Thật nhanh, tôi hình dung chính mình trong thể nằm ấy một ngày nào đó...

Lạ lùng rằng khi ấy tôi chỉ là một cô gái mới ngoài hai mươi, cuộc đời còn hứa hẹn rất nhiều hạnh phúc tươi thắm.

NĂM.

Sau 1975, một dịp mùa thu, trong chuyến lưu diễn 10 ngày Qui Nhơn với đoàn Cải Lương Sống Chung, tan giờ hát khuya, tôi và ba người bạn tìm đến ngôi nơi một quán rượu ven biển như lệ thường mỗi buổi.

Bàn bên cạnh, một nhóm khách độ 5, 6 người đàn ông lẫn đàn bà đang cụng ly chan chát. Giọng nói của họ nặng nề âm hưởng miền Trung.

Ngồi bên này, tôi đặc biệt chú ý đến một phụ nữ có điệu bộ ngả ngớn hơn tất cả. Bà khoảng 45 tuổi, dáng say say, tay phải giữ nơi cổ xị rượu, tay trái liên tục đưa chiếc cốc nhỏ lên môi, ngửa cổ uống, xong bật tiếng cười vang.

Hốt nhiên trọn tắc lòng nghe dạt dào rung động. Trời khuya im vắng. Con gió nhẹ ngoài khơi thổi về làm cả con người tự nhiên đắm ơn ớn một cảm giác rất là khó chịu. Chiếc áo dày vẫn không đủ xua tan luồng khí lạnh cứ len lén bò vào trên giữa sống lưng.

Tiếng cười của người đàn bà hòa vang cùng tiếng sóng, nghe vừa sang sảng lại cũng vừa nghẹn ngào cảm nín. Tôi hình dung ngay tiếng khóc tức tưởi của người thiếu phụ đang bị chồng bỏ rơi trong những đêm mưa buồn da diết của

miền Trung. Cái ý tưởng: “*Một ngày, chính tôi cũng không rời thoát được vận số cô đơn như người đàn bà nọ*” cứ đảo điên trí não.

SÁU.

Mấy mươi năm xưa ở Dalat, căn phòng tôi thuê nằm cạnh phòng một cô gái điếm nhỏ hơn hai tuổi, trong một biệt thự cổ trên đường Calmette.

Từ lúc nào không biết, tôi và cô đâm trở thành thân và thương mến nhau. Tôi yêu nét buồn trên khuôn mặt cô. Còn cô –cao lớn rất nhiều—lại hay tỏ bày lòng quý trọng sự cương nghị nào đó nơi tôi mà cô vẫn thường chiêm nghiệm. Mỗi sáng, cô tự nguyện giữ giùm đứa con trai ba tuổi trong lúc tôi đi dạy. Mỗi chiều, mời cô cùng ăn ổ bánh mì hay uống ly *café* nóng, tôi vẫn được cô kể cho nghe cái đời làm điếm của mình. Những câu chuyện không khiến tôi có chút nào nhèm gớm. Các cuộc hiệp dâm tập thể mà cái thân xác trầy trụa phải chịu đựng nhiều đêm, qua giọng kể mộc mạc của cô, tôi lại thấy hay hơn bất cứ bản văn tả chân nào từng đã đọc qua.

BẢY.

Mấy mươi năm sau ở Mỹ, tình cảm rung động theo các cô gái giang hồ bên kia vệ đường Số Hai không phải tự nhiên mà có. Hình ảnh dì Hiền hay người bạn gái năm xưa ở Dalat, luôn cả người đàn bà say rượu nơi chiếc quán hẻo lánh ở một vùng ven biển miền Trung, nhiều lần trở về trong ý nghĩ.

Thân phận Thúy Kiều được Nguyễn Du dàn trải thành văn chương đã khiến ngậm ngùi biết bao trái tim đa cảm trong nhiều thế kỷ.

Tôi không có tài như Nguyễn Du nên chỉ biết khóc thầm cho các cô gái giang hồ, giữa đêm gió lớn vẫn còn đứng co ro trong tâm áo dạ, bên kia vệ đường Số Hai của thành phố San Jose.

[]

*(Trần Thị Bông Giấy
 (Bài viết xong tháng 1/1996)
 (Đọc lại trong mùa dịch Vũ Hán, một tối tháng 5/2020).*